

Số: 59/2025/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật
Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày
30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,
giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số:
65/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc công nhận thuận
tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người
tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh NguNguyễn Tiến H sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Lai Châu.

- Chị Chảo Thị B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng
anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B trở về đoàn tụ nhưng không thành.
Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện
ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B là vợ
chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 16/01/2017 của
UBND phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là phường T, tỉnh Lai
Châu). Đến nay anh H và chị B đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa
án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B đã thỏa thuận được với
nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, việc cấp
dưỡng nuôi con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình và không
yêu cầu Tòa án chia tài sản chung được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải
đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận
đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm
điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B.

- Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kiều T, sinh ngày 22/12/2018. Anh H và chị B thỏa thuận như sau:

Chị Chảo Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Kiều T cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tiến H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều T, sinh ngày 22/12/2018 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/10/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Tiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị B có đơn yêu cầu thi hành án, anh H chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tiến H và chị Chảo Thị B thỏa thuận chị Chảo Thị B là người nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Chảo Thị B đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000132 ngày 10/9/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga